TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VẠN NINH
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-ST
Ngày 29 tháng 3 năm 2022
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VẠN NINH - TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trừ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Tám

2. Ông Đỗ Ngọc Quý

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa *tham gia phiên tòa:* Ông Trần Nam Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 178/2021/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2021 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22/02/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09/3/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng D sinh năm 1995; trú tại thôn P, xã T, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần Ngọc T sinh năm 1988; trú tại thôn P, xã T, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

NỘI D VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 01 tháng 4 năm 2021, các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng D trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh T tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Khánh Hòa theo giấy chứng nhận kết hôn số 49 ngày 23 tháng 4 năm 2013. Quá trình vợ chồng chung sống đến tháng 02 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn kéo dài đến tháng 3 năm 2021 thì vợ chồng không còn sống chung với nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn do kinh tế gia đình khó khăn, bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên kình cãi, không tôn trọng nhau, anh T thường đánh chị D.

Nay chị D thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Vợ chồng chị D, anh T có hai con chung là Trần Ngọc Th sinh ngày 25 tháng 3 năm 2013 và Trần Ngọc T sinh ngày 01 tháng 11 năm 2018. Chị D yêu cầu nuôi dưỡng cháu Thanh, giao cháu Thi cho anh T nuôi dưỡng, chị D, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ chung của ai.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 09 tháng 11 năm 2021, biên bản hòa giải bị đơn anh Trần Ngọc T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị D tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa theo giấy chứng nhận kết hôn số 49 ngày 23 tháng 4 năm 2013. Quá trình vợ chồng chung sống đến tháng 02 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài và ngày càng gay gắt, vợ chồng không còn sống chung từ tháng 3 năm 2021 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, thường xuyên kình cãi, bất đồng quan điểm, vợ chồng không tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau.

Nay anh T thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không đồng ý ly hôn, anh T yêu cầu được đoàn tụ.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Vợ chồng anh T, chị D có hai con chung là Trần Ngọc Th sinh ngày 25 tháng 3 năm 2013 và Trần Ngọc T sinh ngày 01 tháng 11 năm 2018. Anh T yêu cầu nuôi dưỡng cháu Th, giao cháu T cho chị D nuôi dưỡng. Anh T, chị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ chung của ai.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh phát biểu ý kiến như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán đã thực hiện đúng nội D quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về ly hôn, về con chung, về tài sản chung, nợ chung không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Hồng D yêu cầu ly hôn với anh Trần Ngọc T, anh T có nơi cư trú tại thôn P, xã T, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa; nên căn cứ theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án hôn nhân gia đình tranh chấp về ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa. Bị đơn đã được Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh triệu tập hợp lệ đến phiên

tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng D, anh Trần Ngọc T kết hôn tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Khánh Hòa theo giấy chứng nhận kết hôn số 49 ngày 23 tháng 4 năm 2013, nên quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh T là hợp pháp.

Việc chị D yêu cầu ly hôn với anh T, anh T không đồng ý ly hôn; xét thấy: Căn cứ lời khai của nguyên đơn, bị đơn, biên bản hòa giải tại Tòa án thì vợ chồng chị D, anh T trong quá trình chung sống đã xảy ra mâu thuẫn từ tháng 02 năm 2021 và kéo dài đến nay, hiện tại vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng tiếp tục chung sống, xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng không thành. Nên có cơ sở để khẳng định giữa chị D với anh T đã xảy ra mâu thuẫn nhưng cả hai người không tìm được giải pháp nào để tiếp tục sống chung với nhau, tình trạng hôn nhân giữa hai vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc chị D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu này của chị D.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Chị D, anh T có hai con chung là Trần Ngọc Th sinh ngày 25 tháng 3 năm 2013 và Trần Ngọc T sinh ngày 01 tháng 11 năm 2018. Chị D, anh T đều thống nhất thỏa thuận chị D nuôi cháu T, anh T nuôi cháu Thi; chị D, anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy việc thỏa thuận nuôi con giữa chị D với anh T là tự nguyện, cháu Th cũng có nguyện vọng ở với anh T nên ghi nhận sự thỏa thuận giao cháu T cho chị D nuôi dưỡng, giao cháu Th cho anh T nuôi dưỡng; anh T, chị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Chị D, anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị D, anh T đều xác nhận vợ chồng không nợ của ai, nên không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng D được ly hôn anh Trần Ngọc T.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Trần Ngọc Th sinh ngày 25 tháng 3 năm 2013 cho anh Trần Ngọc T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao con chung Trần Ngọc T sinh ngày 01 tháng 11 năm 2018 cho chị Nguyễn Thị Hồng D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

2.2. Chị D, anh T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị D, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết chị D, anh T có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung cũng như về cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Không giải quyết về tài sản chung.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0003079 ngày 17 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vạn Ninh; chị D đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo của nguyên đơn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; quyền kháng cáo của bị đơn là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Khánh Hoà xét xử phúc thẩm.

* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Trừ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Vạn Ninh ;
- Chi cục THA huyện Vạn Ninh;
(Sau khi án có hiệu lực pháp luật)
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã T;
- Lưu vụ án;
- Lưu hồ sơ.